

ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K14XDD
TÊN HỌC PHẦN: KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP
M? H ỌC PHẦN : CIE - 376

H ỌC KỲ 7
TÍN CHỈ 3
LẦN THI 1

Ngày thi: 25/12/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	132214419	MAI DUY VIỆT	CƯỜNG	K14XDD1	8			6.3		5			V	0.0	Khăng		
2	132214441	HOÀNG ĐỨC	GIỚI	K14XDD1	8			3.8		5.5			5.5	5.6	Nằm pháy Sầu		
3	132214522	PHẠM DUY	PHƯỚC	K14XDD1	7.3			3.8		6.5			2.5	0.0	Khăng		
4	132214617	ĐỖ MAI HOÀNG	VIN	K14XDD1	10			3.3		8			6	6.5	Sầu pháy Nằm		
5	142131159	HỒ CÔNG TUẤN	VŨ	K14XDD1	8			9		6.5			4	5.7	Nằm pháy Baý		
6	142211174	NGUYỄN TUẤN	ANH	K14XDD1	10			8.3		6			2.5	0.0	Khăng		
7	142211178	TRƯƠNG VĂN	BÁCH	K14XDD1	10			3.8		8.5			4	5.5	Nằm pháy Nằm		
8	142211184	TỔNG VĂN	B?NH	K14XDD1	10			8.5		5			4.5	6.0	Sầu		
9	142211190	NGÔ NGỌC	CHÍNH	K14XDD1	8.7			8.5		6.5			5	6.3	Sầu pháy Ba		
10	142211196	MAI XUÂN	DANH	K14XDD1	9.3			7.3		7.5			6.5	7.2	Baý pháy Hai		
11	142211209	TRẦN NGỌC	DUY	K14XDD1	9.3			8.3		7			6	7.0	Baý		
12	142211212	LÊ TRUNG	HIẾU	K14XDD1	8.7			6.3		5.5			6.5	6.7	Sầu pháy Baý		
13	142211215	NGUYỄN QUANG	H?A	K14XDD1	9.3			8		8			5.5	6.8	Sầu pháy Tầm		
14	142211218	NGUYỄN TRƯỜNG	HỘI	K14XDD1	10			7.8		6			3	0.0	Khăng		
15	142211221	PHẠM TẤN	HỮU	K14XDD1	7.3			7		6			5.5	6.1	Sầu pháy Mắú		
16	142211226	NGUYỄN DUY	KHÁNH	K14XDD1	10			8		6			4	5.8	Nằm pháy Tầm		
17	142211230	VŨ NGỌC	KHƯƠNG	K14XDD1	8			3.3		7			4	4.9	Bầu pháy Chên		
18	142211233	ĐINH HỮU	LINH	K14XDD1	9.3			8		6.5			4	5.8	Nằm pháy Tầm		
19	142211250	TRẦN NGỌC	PHÚ	K14XDD1	10			8		5			4	5.7	Nằm pháy Baý		
20	142211254	TRẦN HUỖNH	PHƯƠNG	K14XDD1	10			7		7.5			7	7.5	Baý pháy Nằm		
21	142211259	V? V ẮN	QUỐC	K14XDD1	9.3			9.8		6			4	6.0	Sầu		
22	142211267	CHUNG QUÍ	TÂN	K14XDD1	0			0		0			4.5	2.5	Hai pháy Nằm		
23	142211270	HỒ MINH	THẮNG	K14XDD1	10			4		8.5			9.5	8.6	Tầm pháy Sầu		
24	142211280	HUỖNH	THIỆN	K14XDD1	10			3.3		6.5			5	5.7	Nằm pháy Baý		
25	142211283	NGUYỄN MẬU	THÔNG	K14XDD1	10			8.8		7			7.5	8.0	Tầm		
26	142211292	NGUYỄN VĂN	TOÀN	K14XDD1	8.7			6		2			5.5	5.5	Nằm pháy Nằm		
27	142211295	LÊ THỊ HUỖN	TRANG	K14XDD1	10			3.8		8.5			6	6.6	Sầu pháy Sầu		
28	142211298	BÙI TRỌNG	TUẤN	K14XDD1	10			7.8		4			6	6.6	Sầu pháy Sầu		
29	142211305	VĂN Đ?NH	TƯƠNG	K14XDD1	10			8.3		6			3	0.0	Khăng		
30	142211308	LÊ QUỐC	VIỆT	K14XDD1	9.3			6.8		7.5			7	7.4	Baý pháy Bầu		
31	142211311	TRẦN TẤN	VIỆT	K14XDD1	10			4.8		8			8.5	8.1	Tầm pháy Mắú		
32	142211320	HỒ MINH	VƯƠNG	K14XDD1	9.3			6.5		7			6	6.7	Sầu pháy Baý		
33	142251577	TRƯƠNG BẢO	TRUNG	K14XDD1	8.3			9		5			4	5.5	Nằm pháy Nằm		
34	142332143	NGUYỄN THÁI	DŨNG	K14XDD1	8.7			9		4			5.5	6.3	Sầu pháy Ba		
35	132214575	PHẠM MINH	TIẾP	K14XDD1	5.3			3.8		5.5			4.5	4.7	Bầu pháy Baý		
36	101140099	NGUYỄN NGỌC	DŨNG	K14XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
37	111140262	NGUYỄN PHONG	LƯU	K14XDD2	8.7			6		4			4	5.0	Nằm		
38	111140293	LÊ BẢO	QUỐC	K14XDD2	0			0		0			V	0.0	Khăng		
39	132214408	NGUYỄN Đ?NH	BẢO	K14XDD2	8.3			6		2			4.5	4.9	Bầu pháy Chên		
40	132214470	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	K14XDD2	7			6.5		2			3.5	0.0	Khăng		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ K14XDD										HỌC KỲ		7	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN:		KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP						TÍN CHỈ		3			
M? H ỌC PHẦN :				CIE - 376						LẦN THI		1					
Ngày thi:				25/12/2011													
STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú		
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ	
					15			15		15			55	100			
41	132214526	NGUYỄN ĐOÀN	PHUƠNG	K14XDD2	8			6		6			4.5	5.5	Nằm pháy	Nằm	
42	142211172	BÙI TRƯỜNG	AN	K14XDD2	10			6.3		5			5	5.9	Nằm pháy	Chèn	
43	142211175	TRẦN TUẤN	ANH	K14XDD2	9.3			6.3		7			6	6.7	Sầu pháy	Báy	
44	142211181	NGUYỄN PHẠM QUỐC	BẢO	K14XDD2	9.3			4		7			8	7.4	Báy pháy	Bấu	
45	142211187	LÊ VIỆT	CẢNH	K14XDD2	10			4.5		7.5			6	6.6	Sầu pháy	Sầu	
46	142211191	NGUYỄN TẤN	CHUẨN	K14XDD2	8.7			6.8		4			3	0.0	Khăng		
47	142211194	PHẠM ANH	CUÔNG	K14XDD2	10			3.8		8			4.5	5.7	Nằm pháy	Báy	
48	142211197	BÙI QUỐC	ĐẠT	K14XDD2	8			6		7			2.5	0.0	Khăng		
49	142211203	TRẦN Đ?NH	ĐỨC	K14XDD2	9.3			6.5		7			5	6.2	Sầu pháy	Hai	
50	142211213	TRƯƠNG QUANG	HIẾU	K14XDD2	10			7		7.5			5.5	6.7	Sầu pháy	Báy	
51	142211216	LÊ NGỌC ANH	HOÀI	K14XDD2	10			6.3		9			6	7.1	Báy pháy	Mắt	
52	142211219	NGUYỄN VĂN	HÙNG	K14XDD2	0			0		0			V	0.0	Khăng		
53	142211222	TRẦN Đ?NH	HUY	K14XDD2	10			7		8			5	6.5	Sầu pháy	Nằm	
54	142211228	LÊ	KHOA	K14XDD2	8.7			6.5		6.5			7.5	7.4	Báy pháy	Bấu	
55	142211231	VĂN NGỌC	LAI	K14XDD2	10			5.5		9			5.5	6.7	Sầu pháy	Báy	
56	142211242	NGUYỄN VĂN	NAM	K14XDD2	10			6		7			4	5.7	Nằm pháy	Báy	
57	142211247	BÙI HỒNG	NHẬT	K14XDD2	9.3			6.5		7			5.5	6.4	Sầu pháy	Bấu	
58	142211252	PHAN TẤN UYÊN	PHƯỚC	K14XDD2	8.7			7		5			3	0.0	Khăng		
59	142211256	PHẠM VĂN	QUỐC	K14XDD2	9.3			5		7			4	5.4	Nằm pháy	Bấu	
60	142211260	ĐOÀN THỊ NGỌC	QU?	K14XDD2	10			6.8		8			7.5	7.8	Báy pháy	Tầm	
61	142211264	NGUYỄN HỮU HOÀI	SƠN	K14XDD2	9.3			6		7.5			7	7.3	Báy pháy	Ba	
62	142211268	LÊ HỮU	TẤN	K14XDD2	9.3			5.8		7.5			6	6.7	Sầu pháy	Báy	
63	142211278	NGUYỄN Đ?NH	THẢO	K14XDD2	9.3			7		6.5			5.5	6.4	Sầu pháy	Bấu	
64	142211281	LƯU ĐỨC	THIỆN	K14XDD2	10			6.5		7			7.5	7.7	Báy pháy	Báy	
65	142211290	LÊ BÁ	TÍN	K14XDD2	9			5.8		7			4	5.5	Nằm pháy	Nằm	
66	142211293	PHẠM MINH	TOÀN	K14XDD2	9.3			6.5		5.5			4	5.4	Nằm pháy	Bấu	
67	142211296	TÔNG THÀNH	TRUNG	K14XDD2	10			6.5		8.5			8.5	8.4	Tầm pháy	Bấu	
68	142211299	HÀ ANH	TUẤN	K14XDD2	9.3			8.3		7			9	8.6	Tầm pháy	Sầu	
69	142211303	NGUYỄN THANH	TUẤN	K14XDD2	9.3			6.3		7			4.5	5.9	Nằm pháy	Chèn	
70	142211309	NGÔ QUỐC	VIỆT	K14XDD2	10			6		7			5	6.2	Sầu pháy	Hai	
71	142211312	TRƯƠNG VĂN	VIỆT	K14XDD2	9.3			4.5		6.5			2.5	0.0	Khăng		
72	142211317	NGUYỄN BÁ TUẤN	VŨ	K14XDD2	9			6.5		6.5			4	5.5	Nằm pháy	Nằm	
73	142211321	LÊ CÔNG TRƯỜNG	XUÂN	K14XDD2	9.7			5.5		7			6.5	6.9	Sầu pháy	Chèn	
74	142221365	ĐỖ NGỌC	T?NH	K14XDD2	10			9		7.5			6	7.3	Báy pháy	Ba	
75	142332177	TRƯƠNG QUANG	KỶ	K14XDD2	10			8.5		7			6	7.1	Báy pháy	Mắt	
76	132214556	NGUYỄN THỌ	THẮNG	K14XDD2	2			4		2			2.5	0.0	Khăng		
77	132214530	NGUYỄN VĂN	QUÂN	K14XDD2	3.3			3.5		2			V	0.0	Khăng		
78	132214535	NGUYỄN CÔNG	QUANG	K14XDD2	0			0		0			3	0.0	Khăng		
79	122210235	NGUYỄN HỒNG	ANH	K14XDD3	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
80	132214600	NGUYỄN ĐĂNG	TUẤN	K14XDD3	0			0		0			V	0.0	Khăng		
81	142211173	NGUYỄN NHƯ	AN	K14XDD3	10			8		7			6	7.1	Báy pháy	Mắt	
82	142211177	NGUYỄN VĂN HOÀNG	BÁCH	K14XDD3	8			6		6.5			2	0.0	Khăng		
83	142211183	PHẠM THANH	B?NH	K14XDD3	10			9		8.5			8	8.5	Tầm pháy	Nằm	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ K14XDD										HỌC KỲ		7	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN: KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP										TÍN CHỈ		3	
Ngày thi: 25/12/2011				M? H Ọ C PHẦN : CIE - 376										LẦN THI		1	
STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
84	142211189	LÊ QUỐC	CHÍNH	K14XDD3	10			7.5		8.5			7	7.8	Bá ý phá ý Tả m		
85	142211192	NGUYỄN NHƯ	CƯỜNG	K14XDD3	10			8		7.5			4	6.0	Sầu		
86	142211199	ĐẶNG NGỌC	ĐỨC	K14XDD3	9.5			7.5		6.5			3	0.0	Khăng		
87	142211204	LÊ QUANG	DŨNG	K14XDD3	10			8		8.5			5	6.7	Sầu phá ý Bá ý		
88	142211207	PHAN HOÀNG	DŨNG	K14XDD3	10			8		6.5			4.5	6.2	Sầu phá ý Hai		
89	142211211	HOÀNG QUANG	HÀO	K14XDD3	5			5		6			2.5	0.0	Khăng		
90	142211214	NGUYỄN KHÁNH	H?A	K14XDD3	10			8		7.5			6	7.1	Bá ý phá ý Mắ t		
91	142211217	TRẦN THẾ	HOÀNG	K14XDD3	9			7		6			2	0.0	Khăng		
92	142211220	NGUYỄN NGUYỄN	HUNG	K14XDD3	9.5			7.5		8			6.5	7.3	Bá ý phá ý Ba		
93	142211224	NGUYỄN NGỌC	HUỲNH	K14XDD3	10			9		8			9	9.0	Chèn		
94	142211232	ĐOÀN TẤN	LẬP	K14XDD3	9.5			7.5		7.5			6	7.0	Bá ý		
95	142211239	NGUYỄN PHI	MINH	K14XDD3	10			8		7.5			5	6.6	Sầu phá ý Sầu		
96	142211244	LÊ QUỐC	NGHĨA	K14XDD3	7			7		6			4.5	5.5	Nằm phá ý Nằm		
97	142211248	NGUYỄN THANH	NHÚT	K14XDD3	8			7		7			3	0.0	Khăng		
98	142211253	ĐỖ TRUNG	PHU?NG	K14XDD3	10			8		7.5			8.5	8.5	Tả m phá ý Nằm		
99	142211257	TRẦN VĂN	QUỐC	K14XDD3	9.5			7.5		6			4	5.7	Nằm phá ý Bá ý		
100	142211265	NGUYỄN KHÁNH	SƠN	K14XDD3	10			8		6			4	5.8	Nằm phá ý Tả m		
101	142211269	NGUYỄN QUANG	THÁI	K14XDD3	7			6		6			2	0.0	Khăng		
102	142211274	ĐINH CÔNG	THÀNH	K14XDD3	9			7		6			4	5.5	Nằm phá ý Nằm		
103	142211279	NGUYỄN HỒNG	THI	K14XDD3	6.5			6		6			4.5	5.3	Nằm phá ý Ba		
104	142211282	VY VĂN	THỜI	K14XDD3	10			7.5		6.5			4	5.8	Nằm phá ý Tả m		
105	142211286	NGUYỄN QUANG	THUẬN	K14XDD3	7.5			6		6			4	5.1	Nằm phá ý Mắ t		
106	142211291	LÊ VĂN	TOÀN	K14XDD3	6.5			6		5			4	4.8	Bấ ý phá ý Tả m		
107	142211297	V? V ẮN	TUÂN	K14XDD3	9			7		7			7.5	7.6	Bá ý phá ý Sầu		
108	142211300	NGUYỄN ANH	TUẤN	K14XDD3	10			7.5		6.5			8	8.0	Tả m		
109	142211304	NGUYỄN SƠN	TÙNG	K14XDD3	9.5			7		8			6	7.0	Bá ý		
110	142211307	NGUYỄN THÀNH	VĂN	K14XDD3	9.5			7		6			3	0.0	Khăng		
111	142211310	NGUYỄN DUY	VIỆT	K14XDD3	10			7.5		6.5			7	7.5	Bá ý phá ý Nằm		
112	142211315	LƯU VĂN	VŨ	K14XDD3	9			7		6.5			5.5	6.4	Sầu phá ý Bấ ý		
113	142211319	ĐOÀN NGỌC VIỆT	VƯƠNG	K14XDD3	9.5			7.5		6			4.5	5.9	Nằm phá ý Chèn		
114	142214458	HUỲNH NGUYỄN	KHOA	K14XDD3	9			7		7			5.5	6.5	Sầu phá ý Nằm		
115	142214795	NGUYỄN VƯƠNG	THẠCH	K14XDD3	9			7		8			6	6.9	Sầu phá ý Chèn		
116	142221370	PHẠM SƠN	TÙNG	K14XDD3	8.5			6.5		6			5.5	6.2	Sầu phá ý Hai		
1	0023	ĐOÀN	MU?U	D15XDD	7.3			5		6			4	4.9	Bấ ý phá ý Chèn		
2	0053	TRẦN VĂN	LAI	D15XDD	8			6.3		5			4.5	5.4	Nằm phá ý Bấ ý		
3	0084	HỒ ĐỨC	THỌ	D15XDD	8.7			6.3		6			5.5	6.2	Sầu phá ý Hai		
4	0087	BÙI HỮU	ĐỨC	D15XDD	8.3			6.3		5.5			6	6.3	Sầu phá ý Ba		
5	0102	PHAN THANH	NGHĨA	D15XDD	9			5		7.5			5	6.0	Sầu		
6	0111	NGUYỄN VĂN	DŨNG	D15XDD	9.3			5		6.5			5.5	6.1	Sầu phá ý Mắ t		
7	0113	TRẦN MINH	KHANG	D15XDD	6.7			6.3		6.5			6	6.2	Sầu phá ý Hai		
8	0115	NGUYỄN TẤN	VŨ	D15XDD	9.3			6.3		5.5			4	5.4	Nằm phá ý Bấ ý		
9	0117	NGUYỄN XUÂN	THƯ	D15XDD	8.7			5		6.5			4	5.2	Nằm phá ý Hai		
10	0126	HOÀNG VĂN	TRUNG	D15XDD	8			5		7			4	5.2	Nằm phá ý Hai		

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
11	0139	PHẠM THỨC	D15XDD	8			6.3		5			5	5.6	Nằm pháy Saù		
12	0143	PHẠM VĂN B?NH	D15XDD	5.8			5		6			4	4.7	Bấ pháy Baý		
13	0154	TRẦN NHẬT TÂN	D15XDD	10			3.5		7.5			4	5.4	Nằm pháy Bấ		
14	0162	NGUYỄN VĂN ẮN	D15XDD	8.7			5		6			4	5.2	Nằm pháy Hai		
15	0287	ĐỖ NGỌC ĐÀO	D15XDD	7.3			6.3		5.5			4	5.1	Nằm pháy Mầ		
16	0299	NGUYỄN VĂN SỬU	K11XD	3			5		5			V	0.0	Khăng		
17	0234	PHAN THẾ ĐIỆP	K13XDD	5			5.5		6			6	5.8	Nằm pháy Tẩ		
18	2399	NGUYỄN VĂN CHIẾN	K14XCD	7.3			5.3		5			4	4.8	Bấ pháy Tẩ		
19	0192	NGUYỄN ẮT SỬU	T15XDC	7.3			5.3		4.5			1.5	0.0	Khăng		
20	0177	NGUYỄN Đ?NH HIỂU	T15XDD	6			5		6			4.5	5.0	Nằm		
21	0222	NGUYỄN XUÂN DŨNG	T15XDD	7			5.3		6.5			5	5.6	Nằm pháy Saù		
22	0261	V? THANH QUANG	T15XDD	7			6.5		6			4.5	5.4	Nằm pháy Bấ		
23	0352	NGÔ TIẾN HÀ	T15XDD	10			5.3		7.5			5	6.2	Sầ pháy Hai		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	111	80%	
2	Số sinh viên nợ	28	20%	
TỔNG CỘNG :		139	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(k? và ghi r? họ tên)

L?NH ĐẠO KHOA

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 01 năm 2012

ThS. Nguyễn Hữu Phú

Nguyễn Kim Đức

ThS. Nguyễn Quốc Lâm